

Bản án số: 12/2020/DS-ST
Ngày 20 tháng 02 năm 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Võ Tấn Liêm

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cái Nước.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 9 năm 2020 về
tranh chấp *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 382/2019/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Ngọc A, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Ông Trương Việt T, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 09.9.2019 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà
Võ Ngọc A trình bày:* Vào ngày 29 tháng 01 năm 2019 âm lịch bà Nguyễn Thị L và
ông Trương Việt T có vay của bà số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng),
khi vay không thỏa thuận thời hạn trả. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận mỗi tháng trả
lãi số tiền 3.600.000 đồng. Đến ngày 10/5/2019 âm lịch bà L và ông T không trả
lãi cho bà nên bà yêu cầu bà L, ông T trả lại số tiền vốn 60.000.000 đồng nhưng bà
L và ông T hứa hẹn nhưng không trả. Nay bà yêu cầu bà L và ông T trả số tiền nợ
là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

*Các lời khai tại biên bản làm việc ghi nhận ý kiến bị đơn ông Trương Việt T
trình bày:* Ông thừa nhận có biết việc bà L vay tiền của bà A, tuy nhiên số tiền vay
cụ thể là bao nhiêu thì ông không biết. Ông xác định khi bà L vay tiền của bà A thì
ông và bà L vẫn là vợ chồng, bà L vay tiền nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt
cho gia đình và kinh doanh tạo thu nhập chung cho gia đình. Nay trước yêu cầu
khởi kiện của bà A thì ông đồng ý cùng bà L liên đới trả số tiền vay 60.000.000

đồng cho bà A nhưng do điều kiện gia đình khó khăn nên ông xin được trả dần cho đến khi hết nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà L và ông T biết về việc bà A yêu cầu trả số tiền vay là 60.000.000 đồng nhưng ông T và bà L không có ý kiến gì. Tòa án đã tổng đạt cho ông T và bà L thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông T và bà L không đến và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của bà A. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hòa giải giữa bà A và ông T, bà L được. Tòa án tiến hành triệu tập ông T và bà L để tham gia phiên tòa sơ thẩm họp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T và bà L vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà L theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là bà Võ Ngọc A với ông Trương Việt T, bà Nguyễn Thị L từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn khi giao kết hợp đồng vay tài sản và tại thời điểm hiện tại đều có địa chỉ tại Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trương Việt T và bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được, do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các phiên tòa sơ thẩm mở vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 03/01/2020; 07 giờ 30 phút ngày 03/02/2020 và 07 giờ 30 phút ngày 20 tháng 02 năm 2020 mặc dù bị đơn ông Trương Việt T và bà Nguyễn Thị L đã được thông báo về thời gian và địa điểm xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về thời hiệu khởi kiện: Hội đồng xét xử xét thấy theo lời khai của nguyên đơn Võ Ngọc A thì thời điểm vay là ngày 29/01/2019 âm lịch. Như vậy ngày 11 tháng 9 năm 2019 bà A khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị L, ông Trương Việt T là vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung tranh chấp: Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2019 bà A yêu cầu ông T, bà L liên đới trả lại cho bà số tiền vay cụ thể vốn gốc là 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ theo biên nhận ngày 21/01/2019 do bà A cung cấp có viết tên Nguyễn Thị L thể hiện: “*Có nhận của chị Ngọc A số tiền là 60.000.000 đồng*”. Tại biên bản làm việc ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thì ông Trương Việt T thừa nhận bà L có vay tiền của bà A nhưng số tiền cụ thể là bao nhiêu thì ông không biết, nhưng ông thừa nhận hai vợ chồng ông còn thiếu của bà A số tiền vốn là 60.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này nhưng xin trả dần cho đến khi hết nợ do

gia đình ông gặp nhiều khó khăn. Như vậy có cơ sở xác định bà L có vay tiền từ bà A với tổng số tiền là 60.000.000 đồng là thực tế có xảy ra và cho đến nay vẫn không trả là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 274 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà A đối với ông T, bà L là phù hợp theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà A xác định chỉ yêu cầu ông T, bà L trả lại số tiền 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái với quy định của pháp luật do đó được chấp nhận.

Đối với việc bà A yêu cầu Tòa án buộc ông T có trách nhiệm liên đới với bà L trả nợ cho bà. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bà L trực tiếp vay tiền của bà A và làm biên nhận nợ nhưng việc vay tiền của L sử dụng phát triển kinh tế chung tạo thu nhập cho gia đình và khi vay tiền của bà A thì bà L và ông T là vợ chồng. Đồng thời ông T cũng đồng ý có nghĩa vụ liên đới với bà L trong việc trả nợ cho bà A. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà A, buộc bà L và ông T có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay vốn 60.000.000 đồng cho bà A.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà L đã biết việc bà A khởi kiện và biết các tài liệu chứng cứ mà bà A cung cấp cho Tòa án nhưng bà L không có ý kiến phản đối hay đưa ra tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về việc đã trả số tiền vay cho bà A hay chưa, nên việc bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông T, bà L phải chịu án là 3.000.000 đồng, bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 166, 185, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ngọc A đối với ông Trương Việt T và bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Trương Việt T và bà Nguyễn Thị L phải liên đới trả cho bà Võ Ngọc A số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Võ Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trương Việt T và bà Nguyễn Thị L không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Trương Việt T và bà Nguyễn Thị L phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Trương Việt T và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Võ Ngọc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Võ Ngọc A có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 đồng theo biên lai thu

tiền số 0004765 ngày 11 – 9 – 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Võ Ngọc A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Việt T và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Kiệt